

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 15/VMC ngày 01/7/2024 của Công ty TNHH VMC Hoàng Gia – Chi nhánh Tân Biên về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho “Nhà máy sản xuất, kinh doanh, gia công mặt giày và các loại giày, dép”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Biên tại Tờ trình số 4358..... ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH VMC Hoàng Gia – Chi nhánh Tân Biên, địa chỉ tại số 109, Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất, kinh doanh, gia công mặt giày và các loại giày, dép, địa chỉ tại số 109, Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH VMC Hoàng Gia – Chi nhánh Tân Biên.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 109, Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3900330609 - 002, do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/11/2017.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, kinh doanh, gia công mặt giày và các loại giày, dép.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: dự án đầu tư nhóm III.

- Tổng diện tích cơ sở: 5.536,14 m² thuộc thửa đất được thuê lại từ Công ty TNHH MTV Gạch Hòa Thành Tây Ninh nay là Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh tại hợp đồng thuê nhà xưởng ngày 23/5/2008 giữa Công ty TNHH VMC Hoàng Gia và Công ty TNHH MTV 30-4 Tây Ninh, kèm phụ lục hợp đồng thuê tài sản số 04/2023/PLHĐTTS-Cty ngày 14/09/2023 về việc gia hạn hợp đồng thuê nhà xưởng ngày 23/5/2008 đến ngày 31/8/2026.

- Công suất: 900.000 sản phẩm/năm, trong đó bao gồm: mặt giày; các loại giày, dép; giày bán thành phẩm; các bộ phận của giày, dép.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH VMC Hoàng Gia – Chi nhánh Tân Biên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH VMC Hoàng Gia – Chi nhánh Tân Biên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Biên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: *luu*

- Công ty VMC Hoàng Gia – Chi nhánh Tân Biên;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND huyện Tân Biên;
- UBND thị trấn Tân Biên;
- Lưu VT, PTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Trỗi

Phụ lục 1
THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của
... UBND huyện Tân Biên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động vệ sinh cá nhân, rửa tay, chân ... của công nhân viên tại các Nhà vệ sinh, lưu lượng 24 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh cá nhân, rửa tay, chân... của công nhân viên khu vực Nhà ăn, lưu lượng 24 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, K =1, được xả ra điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước hiện hữu đường Hoàng Quốc Việt.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước hiện hữu đường Hoàng Quốc Việt. Tọa độ vị trí điểm đầu nối (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰30' múi chiều 3⁰): X = 558 267, Y = 1275 913.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 48 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, với hệ số K = 1, cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500		

5	Sunfua	mg/l	1,0		
6	Amoni	mg/l	5		
7	Nitrat	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân, rửa tay, chân... của công nhân viên tại Nhà máy với lưu lượng tối đa 24 m³/ngày, được thu gom vào đường ống đặt ngầm dưới đất của Nhà máy dẫn về HTXL nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K =1).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

01 Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm.

Tóm tắt quy trình: Nước thải → bể thu gom, chắn rác → bể điều hòa → bể thiếu khí 1 → bể thiếu khí 2 → bể hiếu khí 1 → bể hiếu khí 2 → bể lắng → bể lọc → hồ sinh học → bể khử trùng → đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K =1)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-Cp ngày 10/10/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát nước.

Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải.

Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng đến thu gom bùn trong bể tự hoại, và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Thực hiện đảm bảo việc vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình, thu gom và xử lý nước thải.

3.3 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải và phương thức xả nước thải từ hoạt động của Nhà máy.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.08./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của ... UBND huyện Tân Biên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: không khí lẫn bụi từ quá trình gia công nguyên vật liệu: cắt nguyên vật liệu thô, mài, gọt, mài nhám,
- Nguồn số 02: không khí lẫn hơi hóa chất phát sinh tại công đoạn phun keo dán, lắp ráp được pha loãng với không khí sạch trong môi trường tự nhiên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Trong khuôn viên khu đất của Công ty tại số 109, Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ vị trí xả thải như sau:

- Nguồn số 01: Khu vực tổ cắt :X = 555 145, Y = 127 5774

Khu vực chuyển may: X = 555 112, Y = 127 5934

- Nguồn số 02: Khu vực in, sơn: X = 558426, Y = 1261964

Khu vực hình thành: X = 555 154, Y = 127 5867

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰30' múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 3.600 m³/giờ
- Nguồn số 02: 15.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: phát tán tự nhiên, gián đoạn theo ca làm việc của công nhân.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của các yếu tố hóa học, vi khí hậu nơi làm việc: QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03 :2019/BYT, QCVN 26 :2016/BYT, cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT		
1	Bụi	mg/Nm ³	8	-	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ- CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	-	10	-		
3	NO ₂	mg/Nm ³	-	10	-		
4	CO	mg/Nm ³	-	40	-		
5	Nhiệt độ	°C	-	-	18 - 32		
6	Độ ẩm	%	-	-	40 - 80		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: bụi được thu gom bằng chụp hút theo đường ống dẫn đến thiết bị lọc bụi túi vải nhờ quạt hút. Lượng bụi thu hồi được thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

- Nguồn số 02: phát tán tự nhiên ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị, biện pháp xử lý bụi:

- Tóm tắt quy trình xử lý bụi:

+ Quy trình xử lý: Bụi → Chụp hút, ống dẫn → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Thoát ra môi trường.

+ Hoá chất, vật liệu sử dụng: không.

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

+ Vệ sinh đường nội bộ sạch sẽ nhằm làm giảm bụi.

+ Các phương tiện vận chuyển hàng hoá cần tuân thủ quy định, tắt máy xe trong lúc giao nhận hàng.

+ Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng.

+ Ban hành nội quy, tuân thủ chấp hành nội quy dành cho các loại xe giao thông ra vào, tránh tình trạng ùn tắc giao thông phát sinh khí thải.

+ Các nơi tập trung đông người sẽ cấm không cho các phương tiện vận chuyển ra vào tránh ảnh hưởng của khí thải đến hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân.

+ Trồng bổ sung các cây xanh xung quanh nhằm giảm thiểu khí thải phát tán ra môi trường, đảm bảo diện tích cây xanh chiếm 20% tổng diện tích.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục được quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong tiếp tục vận hành để phục vụ sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy, Công ty bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom và xử lý bụi, khí thải và quan trắc định kỳ từ hoạt động của Nhà máy.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của
... UBND huyện Tân Biên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng. (không phát sinh thường xuyên)
- Nguồn số 02: Từ máy móc, thiết bị, hoạt động sản xuất trong nhà xưởng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰): X = 555 125, Y = 1275 887.

- Nguồn số 02: Tại khu vực sản xuất trong nhà xưởng. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰): X = 555 174, Y = 1275 861.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn nơi làm việc QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức độ ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

+ Biện pháp chống ồn hiệu quả nhất là tự động hóa quá trình vận hành, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những khâu có độ ồn cao và liên tục.

+ Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

+ Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, động cơ sử dụng trong Nhà máy, tra dầu bôi trơn các ổ trục và thay thế các thiết bị hư hỏng để hạn chế tiếng ồn.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...

+ Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

+ Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08../GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của
... UBND huyện Tân Biên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	TÊN CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất kết dính và chất bịt kín thải có chứa dung môi hoặc các thành phần nguy hại	Lỏng	08 03 01	600
2	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	08 02 01	120
3	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	120
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng	16 01 10	300
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	16 01 06	10
6	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.000
7	Bao bì thải có chứa các thành phần nguy hại (bao bì mềm thải)	Rắn	18 01 01	250
8	Bao bì có chứa các thành phần nguy hại (bao bì cứng thải bằng nhựa)	Rắn	18 01 03	300
9	Bao bì có chứa thành phần nguy hại (bao bì cứng thải bằng các vật liệu thải khác)	Rắn	18 01 04	300
TỔNG CỘNG				3.000

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Da vụn, hàng tồn kho, đế cao su hư, cao su vụn	9,59
2	Bọc nilon, thùng carton, ống chỉ	
3	Thùng thiết, thùng nhựa, phi nhựa (không chứa chất thải nguy hại)	
TỔNG CỘNG		9,59

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	240

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Sử dụng các thùng chứa để lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực kho lưu chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho lưu chứa: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Biện pháp xử lý: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: phân loại và thu gom vào các bao bì, bao tải lớn, thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo kho lưu chứa: nền bê tông, mái tôn, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
- Biện pháp xử lý: Công ty liên hệ, hợp đồng với đơn vị thu mua phế liệu để bán.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 10 thùng chứa bằng nhựa dung tích 120L, 05 thùng chứa bằng nhựa dung tích 240L có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực bố trí: trong khuôn viên Công ty.
- Biện pháp xử lý: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Đối với việc vận chuyển: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08./GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của ... UBND huyện Tân Biên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Tuyệt đối không được xả nước thải ra môi trường.

- Thu gom, xử lý bụi phát sinh đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc QCVN 02:2019/BYT.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tác động khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 03 :2019/BYT.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Bố trí cây xanh trong khuôn viên khu đất của cơ sở theo tỷ lệ đã đề xuất trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

